

Số: 115 /BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

A. Thông tin chung:

1. Tên đề tài: Nghiên cứu, bảo tồn, phát triển và phục tráng nguồn gen nếp Quýt, nếp Vàng (Khẩu nua lương) nâng cao giá trị gạo đặc sản tại tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số 212/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Hội trường tầng 2 - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

- Thời gian: Từ 15h30 đến 17h00 ngày 03/6/2026.

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên 07/07 người.

Vắng mặt 0 người, gồm các thành viên: 0

5. Thành phần tham dự họp hội đồng:

* Thành viên hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ủy viên, phản biện 1
4	TS. Phạm Văn Ngọc	Trưởng bộ môn Khoa học Cây trồng, Khoa Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học lâm Thái Nguyên	Ủy viên, phản biện 2
5	TS. Đào Văn Khởi	Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên

6	ThS. Dương Sơn Hà	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên
7	KS. Vũ Duy An	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN	Ủy viên, thư ký HĐ

(Thư ký hành chính: ThS. Triệu Thị Huệ - Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

* Đại biểu tham dự:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Tiến	Sở KH&CN Thái Nguyên	
2	Đào Lê Duy Thắng	Sở KH&CN Thái Nguyên	
3	Nguyễn Văn Dẫn	Sở KH&CN Thái Nguyên	
4	Đoàn Xuân Cảnh	Nguyên viện phó, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	
5	Trần Thị Yến	Trung tâm nghiên cứu và phát triển lúa thuần.	

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Vũ Duy An - Ủy viên, Thư ký Khoa học thông qua Quyết định Số 212/QĐ-SKH&CN ngày 23/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các uỷ viên phản biện trình bày nhận xét, các uỷ viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (có chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

C. Bỏ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: Đ/c Vũ Duy An
- Thành viên: Đ/c Phạm Văn Ngọc
- Thành viên: Đ/c Đào Văn Khởi

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **81,5 điểm**.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) Tên nhiệm vụ: Không

(2) Mục tiêu nhiệm vụ: Rà soát, bổ sung mục tiêu tại thuyết minh của đề tài theo đặt hàng của UBND tỉnh (Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2)).

(3) Các nội dung chính thực hiện: Rà soát lại các nội dung nghiên cứu theo chuỗi logic, sửa các nội dung thực hiện theo từng mục tiêu nghiên cứu và bổ sung phương pháp thực hiện cho từng công việc cần chi tiết và cụ thể hơn.

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ: Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu kèm theo.

(5) Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu kèm theo.

(6) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần ☒

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên đề tài: Nghiên cứu, bảo tồn, phát triển và phục tráng nguồn gen nếp Quýt, nếp Vàng (Khẩu nua lương) nâng cao giá trị gạo đặc sản tại tỉnh Thái Nguyên.

- Mã số đề tài là: **ĐT/NN/21/2026**

- Thời gian thực hiện: **36 tháng**.

- Căn cứ kết quả đánh giá, Hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

Tên tổ chức: Trung tâm nghiên cứu và phát triển lúa thuần.

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: ThS. Trần Thị Yên.

- Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (*tại phụ lục chi tiết kèm theo*), trong đó có các nội dung chính như sau:

+ Bổ sung, cập nhật và phân tích sâu hơn hiện trạng sản xuất nếp Quýt, nếp Vàng tại Thái Nguyên; làm rõ diện tích, năng suất, sản lượng, mức độ thoái hóa giống, quy mô vùng trồng, nhu cầu thị trường, khó khăn trong sản xuất, bảo quản, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu. Phần tổng quan cần được rà soát, tinh gọn, tập trung vào phục tráng nguồn gen lúa nếp đặc sản, sản xuất giống, sản xuất hữu cơ, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

+ Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung và sản phẩm theo hướng định lượng, gắn với yêu cầu nghiệm thu. Cần làm rõ các chỉ tiêu đối với từng giống, gồm độ thuần, tính ổn định, đặc điểm nhận dạng, năng suất, chất lượng gạo, chất lượng cơm, mùi thơm, độ dẻo, hàm lượng amylose, protein, tỷ lệ gạo nguyên và các chỉ tiêu đặc thù khác. Các sản phẩm về hạt giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận; quy trình phục tráng; quy trình sản xuất giống; quy trình canh tác thương phẩm theo hướng hữu cơ; mô hình sản xuất và hồ sơ nhãn hiệu tập thể phải được lượng hóa rõ ràng.

+ Hoàn thiện phương pháp phục tráng và sản xuất giống theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; viện dẫn đầy đủ TCVN 13607-2:2023 và các quy định liên quan. Thuyết minh cần nêu rõ số lượng cá thể, số dòng chọn lọc qua từng vụ, tiêu chí chọn và loại dòng, phương pháp đánh giá độ thuần, kiểm định đồng ruộng, kiểm nghiệm hạt giống, chỉ tiêu độ sạch, độ ẩm, tỷ lệ nảy mầm, hạt khác giống, địa điểm sản xuất giống, đơn vị kiểm định, kiểm nghiệm và hồ sơ chứng nhận chất lượng hạt giống.

+ Làm rõ mô hình sản xuất thương phẩm 50 ha, trong đó xác định cụ thể địa điểm triển khai, điều kiện đất đai, thủy lợi, tập quán canh tác, tiêu chí lựa chọn hộ tham gia, phương án tổ chức sản xuất, doanh nghiệp hoặc đơn vị thu mua, giá thu mua dự kiến, cơ chế chia sẻ rủi ro và phương án liên kết tiêu thụ. Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15% cần có công thức tính rõ ràng, nêu rõ đối chứng so sánh, chi phí đầu vào, năng suất, giá bán, lợi nhuận và cách xác nhận kết quả.

+ Đối với nội dung sản xuất theo hướng hữu cơ và chuyển đổi hữu cơ, cần làm rõ khái niệm, tiêu chuẩn áp dụng, yêu cầu vùng sản xuất, thời gian chuyển đổi, nhật ký đồng ruộng, vật tư đầu vào, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, quản lý dịch hại, kiểm soát ô nhiễm chéo, đơn vị chứng nhận hoặc hình thức xác nhận kết quả chuyển đổi. Nếu chỉ áp dụng một số biện pháp giảm hóa chất thì chưa đủ cơ sở để khẳng định chuyển đổi hữu cơ thành công.

+ Rà soát, chỉnh sửa toàn bộ hồ sơ để bảo đảm tính thống nhất, chặt chẽ và đúng biểu mẫu. Cần thống nhất thời gian thực hiện với kế hoạch tuyển chọn, phê duyệt nhiệm vụ; làm rõ kinh phí ngân sách, kinh phí đối ứng, nguồn bảo đảm và cam kết đối ứng; phân định rõ chi nghiên cứu với chi sản xuất, quảng bá, tiêu thụ. Đồng thời, cần sửa các lỗi sao chép, lỗi chính tả, lỗi định dạng, địa danh ngoài tỉnh,

tên giống, tên đơn vị, tên cơ quan chủ quản, tài liệu tham khảo và các nội dung chưa thống nhất giữa các phần của thuyết minh.

+ Làm rõ vai trò của từng thành viên và từng đơn vị phối hợp; trách nhiệm của địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã trong xây dựng vùng sản xuất, tổ chức tập huấn, quản lý mô hình, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu tập thể và duy trì, nhân rộng kết quả sau khi đề tài kết thúc. Phương án chuyển giao cần cụ thể về đối tượng tiếp nhận, nội dung chuyển giao, hình thức chuyển giao, trách nhiệm duy trì quy trình và sản phẩm sau nghiệm thu.

- Về khoán kinh phí: Thực hiện phương thức khoán từng phần.

- Tổ chức chủ trì sửa lại thuyết minh, dự toán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu của Hội đồng; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



KS. Vũ Duy An

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
TS. Nguyễn Thị Thủy**

Phụ lục
Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Biên bản số 115/BB-QLKH ngày 02/6/2026 của Hội đồng tư vấn, đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)

1. Ủy viên Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn

- Đề tăng tính thuyết phục, đề tài cần bổ sung và cập nhật thêm các dẫn liệu về hiện trạng sản xuất, mức độ thoái hóa giống, quy mô vùng trồng, thực trạng tiêu thụ sản phẩm và những khó khăn, tồn tại đối với giống nếp Quýt và nếp Vàng, qua đó làm rõ hơn sự cần thiết triển khai nghiên cứu.

- Phần tổng quan còn thiên về mô tả và tổng hợp các kết quả nghiên cứu đã công bố, trong khi nội dung phân tích, đánh giá và liên hệ với đối tượng nghiên cứu của đề tài còn hạn chế. Đề nghị rà soát, tinh gọn các nội dung ít liên quan trực tiếp đến giống nếp Quýt và nếp Vàng; bổ sung các tài liệu tham khảo cập nhật và tăng cường phân tích, đánh giá các kết quả nghiên cứu nhằm làm rõ hơn cơ sở khoa học, khoảng trống nghiên cứu và sự cần thiết triển khai đề tài.

- Cần làm rõ hơn sự phân công nhiệm vụ giữa các thành viên và vai trò của các đơn vị phối hợp trong xây dựng vùng sản xuất, liên kết tiêu thụ và phát triển kết quả nghiên cứu sau khi kết thúc đề tài.

- Cần rà soát, chuẩn hóa hệ thống chỉ tiêu theo dõi, phương pháp xử lý số liệu và căn cứ đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả mô hình nhằm nâng cao tính thống nhất, độ tin cậy và khả năng kiểm chứng của kết quả nghiên cứu.

- Đề nghị rà soát, thống nhất việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quá trình triển khai và đánh giá kết quả nghiên cứu.

- Đề tài không đăng ký chỉ tiêu đào tạo sau đại học. Tuy không có sản phẩm đào tạo theo đăng ký, nhưng kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được khai thác phục vụ công tác đào tạo, hướng dẫn học viên và sinh viên trong lĩnh vực khoa học cây trồng.

- Đề nghị tiếp tục hoàn thiện phương án khai thác và phát triển kết quả nghiên cứu sau khi kết thúc đề tài nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng trong thực tiễn.

- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cơ bản phù hợp với mục tiêu và sản phẩm của đề tài. Đề nghị làm rõ hơn trách nhiệm của các đơn vị tham gia trong việc tiếp nhận, khai thác và phát triển kết quả nghiên cứu sau khi đề tài kết thúc.

- Đề nghị làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm và nội dung tham gia của từng đơn vị phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện và tiếp nhận kết quả nghiên cứu.

- Đề nghị rà soát, thuyết minh rõ hơn cơ sở xác định một số hạng mục chi nhằm bảo đảm tính hợp lý và hiệu quả sử dụng kinh phí.

- Đề nghị nhóm nghiên cứu chỉnh sửa và hoàn thiện thuyết minh theo các góp ý sau:

+ Bổ sung các số liệu về hiện trạng sản xuất, mức độ thoái hóa giống, quy mô vùng trồng, thực trạng tiêu thụ sản phẩm và những khó khăn, tồn tại đối với giống nếp Quýt và nếp Vàng nhằm làm rõ hơn tính cấp thiết của đề tài.

+ Rà soát, tinh gọn phần tổng quan; tăng cường phân tích, đánh giá và làm rõ khoảng trống khoa học mà đề tài cần giải quyết.

+ Bổ sung các tài liệu tham khảo cập nhật, đặc biệt là các nghiên cứu trong 5 năm gần đây liên quan đến phục tráng giống, bảo tồn nguồn gen, sản xuất hữu cơ và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm đặc sản.

+ Rà soát, chuẩn hóa hệ thống chỉ tiêu theo dõi, phương pháp xử lý số liệu và căn cứ đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ nhằm nâng cao tính khoa học và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

+ Làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của các đơn vị phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện, tiếp nhận và phát triển kết quả nghiên cứu sau khi kết thúc đề tài.

+ Hoàn thiện phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu; làm rõ trách nhiệm của các đơn vị tham gia trong việc tiếp nhận, khai thác và phát triển kết quả nghiên cứu sau khi đề tài kết thúc.

2. Ủy viên phản biện 2: TS. Phạm Văn Ngọc

- Hoàn thiện Thông tin xác nhận tổ chức ứng dụng UBND xã Phụng Tiến tỉnh Thái Nguyên.

3. Ủy viên: TS. Đào Văn Khởi

- Bổ sung thêm các tài liệu nghiên cứu mới trong giai đoạn 2023–2026 liên quan đến:

- Phục tráng giống bằng chỉ thị phân tử.

- Bảo tồn nguồn gen kết hợp phát triển sản phẩm OCOP.

- Truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu cho giống lúa đặc sản.

- Phần tổng quan còn dàn trải, nhiều nội dung tập trung vào kỹ thuật canh tác lúa cạn nói chung trong khi chưa làm nổi bật đặc điểm riêng của nếp Quýt và nếp Vàng.

- Chưa phân tích đầy đủ hiện trạng sản xuất, diện tích, năng suất, mức độ thoái hóa giống, quy mô thị trường và các khó khăn cụ thể đối với hai giống nghiên cứu tại Thái Nguyên.

- Cần làm rõ hơn cơ sở khoa học lựa chọn quy mô điều tra 300 phiếu và phương pháp lấy mẫu.

- Bổ sung tiêu chí chọn lọc các dòng phục tráng ở từng thế hệ (G0, G1, G2...) và ngưỡng loại bỏ dòng không đạt yêu cầu.

- Xem xét bổ sung nội dung ứng dụng công nghệ sinh học hoặc chỉ thị phân tử trong đánh giá độ thuần và tính ổn định di truyền. Nên xem xét bổ sung để nâng cao độ tin cậy khoa học.

- Phân công nhân lực mới dừng ở danh sách thành viên; cần làm rõ trách nhiệm, sản phẩm và khối lượng công việc của từng thành viên chính.

- Bổ sung đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất hữu cơ so với phương thức canh tác truyền thống.

- Phân tích thêm nhu cầu thị trường đối với từng sản phẩm: Gạo nếp Quýt; Gạo nếp Vàng.

- Xem xét xây dựng thêm kế hoạch thương mại hóa sản phẩm sau khi kết thúc đề tài

- Nên bổ sung phương án truy xuất nguồn gốc bằng mã QR hoặc hệ thống nhận diện sản phẩm.

- Tham vấn ý kiến của cơ quan chuyên môn về tài chính khi xây dựng định mức thực hiện các nội dung trong đề tài

- Cần bổ sung danh mục các đề tài, dự án tương tự đã thực hiện thành công của chủ nhiệm và nhóm nghiên cứu.

- Đề nghị đơn vị chủ trì chỉnh sửa, bổ sung các nội dung sau trước khi xem xét phê duyệt:

- Cập nhật thêm tài liệu nghiên cứu mới giai đoạn 2023–2026.

- Làm rõ khoảng trống nghiên cứu và giá trị mới của đề tài.

- Bổ sung tiêu chí chọn lọc dòng phục tráng và phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm.

- Hoàn thiện kế hoạch thương mại hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm sau đề tài.

- Rà soát, thuyết minh chi tiết hơn các khoản kinh phí có giá trị lớn. Tham vấn ý kiến của cơ quan chuyên môn về tài chính khi xây dựng định mức thực hiện các nội dung trong đề tài

- Bổ sung phương án quản lý nhãn hiệu tập thể và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

4. Ủy viên: ThS. Dương Sơn Hà

- Các vấn đề tồn tại trong công tác bảo tồn, phục tráng giống nếp quýt, nếp vàng, những nội dung mới mà đề tài sẽ giải quyết so với các nghiên cứu đã có.

- Trong nội dung đặt hàng có nội dung xây dựng thành công mô hình lúa hữu cơ quy mô 10ha. Tuy nhiên phần nội dung công việc (trang 37) chỉ có nội dung về phân tích mẫu, chưa có giải pháp, nội dung cụ thể trong quá trình chuyển đổi, kết quả dự kiến là chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn nào? Để chứng nhận

1. C.
3
OC
NG
NG

hữu cơ trong trồng trọt là nội dung khó khăn, tỷ mỉ. Theo quy định hiện nay không có quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ.

- Sản phẩm khoa học đề nghị rà soát lại tính đầy đủ so với nhu cầu đặt hàng.
- Đề tài không có đăng ký đào tạo sau Đại học.
- Đề nghị rà soát dự toán chi tiết đảm bảo đúng định mức và quy định pháp luật.

5. Ủy viên: KS. Vũ Duy An

- Rà soát, chỉnh sửa thuyết minh:
 - + Rà soát lại nội dung tại mục 17.1 1 (Nội dung 4, Công việc 4.4: trang 35).
 - + Rà soát lại lỗi chính tả, đánh máy và định dạng Mục 15.1 (Tổng quan ngoài nước) tại Mục 15.1 (Tổng quan ngoài nước); Mục 16 (Tài liệu tham khảo).
 - + Rà soát lại Mục 17.1 (Nội dung 5, Công việc 5.9): Về tên giống lúa: Tại Mục 17.2.2 (Nội dung 3 - Hoàn thiện quy trình canh tác), hồ sơ ghi: "Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của giống lúa nếp Quýt, nếp Vàng... theo 2 phương thức canh tác là canh tác thông thường và Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa Sém cù thương phẩm theo hướng hữu cơ".
 - + Sai lệch thông tin cơ quan chủ quản Trang 3: Tại Mục 11 (Tổ chức phối hợp số 3), Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Thuận Phát có địa chỉ tại tỉnh Nghệ An, ghi "*Tên cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên*".
 - + Rà soát lại phần sản phẩm cần đạt theo Quyết định phê duyệt danh mục số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
 - + Rà soát lại nội dung tại trang 76: Mục 24 địa chỉ áp dụng (dự kiến) chưa chính xác.
 - + Tại Mục 2 (Thời gian thực hiện), hồ sơ ghi: 36 tháng, Từ tháng 04/2027 đến tháng 03/2029 là chưa phù hợp. (Quyết định phê duyệt danh mục yêu cầu thực hiện từ năm 2026; Tiến độ chi tiết tại Mục 21 bắt đầu từ tháng 04/2026 cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Đề nghị đồng bộ lại mốc thời gian tiến độ (bắt đầu từ tháng 7 năm 2026), đưa địa danh áp dụng và tổ chức phối hợp về đúng địa bàn tỉnh Thái Nguyên, điều chỉnh số lượng sản phẩm hạt giống siêu nguyên chủng và tổng mức kinh phí (2.100 triệu đồng) theo đúng Quyết định số 602/QĐ-UBND của UBND tỉnh trước khi tiến hành các bước tiếp theo.
- Bổ sung căn cứ (trang 81):
 - + Nghị quyết Số 11/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.



+ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy

- Thống nhất thời gian thực hiện với danh mục nhiệm vụ;
- Làm rõ phương thức khoán chi và loại hình nhiệm vụ;
- Giải trình kinh phí đối ứng tăng so với đặt hàng;
- Cụ thể hóa phương pháp phục tráng theo TCVN 13607-2:2023;
- Lượng hóa chỉ tiêu chất lượng giống và chất lượng gạo;
- Làm rõ phương án sản xuất hạt giống các cấp;
- Cụ thể hóa mô hình hữu cơ, liên kết tiêu thụ và chỉ tiêu hiệu quả kinh tế;
- Hoàn thiện căn cứ pháp lý về giống cây trồng, sản xuất hữu cơ và nhãn hiệu tập thể;
- Rà soát, biên tập lại bố cục, thuật ngữ, số liệu và phụ lục dự toán cho thống nhất./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



Vũ Duy An